TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 227/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30-6-2022

" V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Cương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tấn Thức

Ông Trần Đức Hiếu

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Lê Văn Thoảng – Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ tham gia phiên tòa*: Bà Trần Lê Phượng – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 114/2022/TLST – HNGĐ ngày 13/4/2022 về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 59 ngày 16/6/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Văn Thị Thu T, sinh năm 1988; Nơi đăng ký thường trú: Ấp Ô .., xã L, huyện T, tỉnh A; Địa cư trú hiện nay: Lô 04 đường P, phường H, quận C, TP Đà Nẵng; Có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Bùi Quang P, sinh năm 1993; Nơi đăng ký thường trú: Ấp Ô, xã L, huyện T, tỉnh A; Địa cư trú hiện nay: Lô 04 đường P, phường H, quận C, TP Đà Nẵng; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/4/2022, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Văn Thị Thu T trình bày:

-*Về quan hệ hôn nhân:* Bà và ông Bùi Quang P kết hôn với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện T, tỉnh A, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xã L, huyện T, tỉnh A. Đến cuối năm 2018 vợ chồng bà chuyển đến sinh sống tại lô 04 đường P, phường H, quận C, TP Đà Nẵng cho đến nay. Quá trình chung sống đến năm 2017 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông P có quan hệ ngoại tình. Bản thân bà vì thương con còn nhỏ nên đã bỏ qua, đến năm 2019 ông P tiếp tục ngoại tình, bà T đưa con ra Đà Nẵng sinh sống. Sau đó ông P tìm đến mẹ con bà xin tha thứ, vợ chồng ông bà hòa hợp lại để chăm sóc con cái. Đến tháng 7 năm 2021 bà tiếp tục phát hiện ông P ngoại tình. Bà đã nhiều lần cho ông P cơ hội sửa sai, xây dựng hạnh phúc gia đình chăm sóc con cái nhưng ông P không thay đổi, ngoài ra ông P còn nghiện chơi game, không lo tu chí làm ăn, chăm sóc gia đình. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở trên trầm trọng hơn, và không thể hòa giải, hàn gắn được. Do đó, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Bùi Quang P.

- *Về con chung:* Bà Văn Thị Thu T xác định vợ chồng bà có 02 con chung tên: Bùi Hưng T, sinh ngày 11/9/2014 và Bùi Yến N, sinh ngày 23/02/2021. Ly hôn bà Thảo có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bùi Yến N, giao con chung Bùi Hưng T cho ông Ptrực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung:* Bà Văn Thị Thu T xác định không có.

- *Về nợ chung:* Bà Văn Thị Thu Th xác định không có.

Qúa trình thụ lý giải quyết Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho ông Bùi Quang Phú nhưng ông Phú không hợp tác, không cung cấp bản tự khai, không tham gia hòa giải nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông Phú.

Tại bản tự khai cháu Bùi Hưng T có nguyện vọng được ở với ông Bùi Quang Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, thư ký phiên tòa: Qúa trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định tại các Điều từ Điều 239 đến Điều 243; Điều 247; Điều 249 đến Điều 252; Điều 258 và Điều 260 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Bị đơn chưa tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự vắng mặt tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà Văn Thị Thu T và ông Bùi Quang P đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, xử cho bà T được ly hôn với ông P.

Về con chung: Xét thấy cháu Bùi Yến N, sinh ngày 23/02/2021 chưa đủ 36 tháng tuổi nên bà T đề nghị giao cháu Nhi cho bà trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật. Đối với cháu Bùi Hưng T, bà T đề nghị Tòa án giải quyết giao cho ông Bùi Quang P trực tiếp nuôi dưỡng phù hợp với nguyện vọng của cháu T. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Thảo, giao con chung Bùi Yến N cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng; Giao con chung Bùi Hưng T cho ông Bùi Quang P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con, do các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T xác định không có nên không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn bà Văn Thị Thu T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa và những tình tiết của vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án hôn nhân gia đình *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"* bị đơn là ông Bùi Quang Phú có địa chỉ nơi cư trú tại: Lô 04 đường Phạm Viết Chánh, phường Hòa Thọ Đông, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng. Do đó, Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng thụ lý giải quyết vụ án là đúng về thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn ông Bùi Quang P: Bị đơn ông Bùi Quang P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông Bùi Quang P.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của các đương sự, trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, ý kiến trình bày, nguyện vọng của các bên và quan điểm

của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Văn Thị Thu T và ông Bùi Quang P kết hôn với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện T, tỉnh An Giang, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng ông bà sinh sống tại nhiều nơi, đến cuối năm 2018 thì vợ chồng bà T, ông P chuyển đến sinh sống tại lô số 04 đường Phạm Viết Chánh, TP Đà Nẵng cho đến nay. Quá trình chung sống đến năm 2017 thì vợ chồng ông, bà đã bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, đến tháng 7/2021 thì mâu thuẫn trở nên trầm trọng hơn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn theo bà T trình bày là do ông P nhiều lần có quan hệ ngoại tình, ham chơi, không lo tu chí làm ăn, chăm sóc gia đình. Bà đã nhiều lần bỏ qua cho ông P cơ hội nhưng ông Pkhông thay đổi. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng hơn và không thể hòa giải hàn gắn được. Do đó, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Bùi Quang P.

Kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của bà T, ông P tại địa phương xác định: Bà Văn Thị Thu T và ông Bùi Quang P có thê trọ sinh sống tại lô 04 đường P, tổ 52, phường H, quận C từ đầu năm 2019 cho đến nay. Qúa trình sinh sống tại địa phương bà T, ông P có phát sinh mâu thuẫn hay không thì tổ dân phố không nắm được; quá trình sinh sống tại địa phương bà T, ông P không trình báo với chính quyền địa phương về việc mâu thuẫn của vợ chồng ông, bà.

Hội đồng xét xử xét thấy: theo bà T trình bày thì vợ chồng bà có mâu thuẫn và mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, nguyên nhân là do ông P có quan hệ ngoại tình, ham chơi, không lo tu chí làm ăn, chăm sóc gia đình. Mặc dù bà Thảo không có tài liệu chứng cứ, chứng minh việc ông P có quan hệ ngoại tình nhưng bản thân bị đơn ông Bùi Quang P mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Phú không hợp tác, không tham gia các phiên hòa giải, không tham gia phiên tòa, không có ý kiến phản đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Điều này thể hiện ông P không có thiện chí trong việc hòa giải, xây dựng hành phúc gia đình; Mặc dù bà T không cung cấp được tài liệu chứng cứ xác định ông P có quan hệ ngoại tình nhưng việc bà T cho rằng giữa vợ chồng bà có mâu thuẫn và mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng hơn là có căn cứ. Hội đồng xét xử có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng bà T, ông P đã thực sự đến mức trầm, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Văn Thị Thu T, xử cho bà Thảo được ly hôn với ông Bùi Quang P.

[2.2] Về quan hệ con chung: Bà Văn Thị Thu T xác định vợ chồng bà có 02 con chung tên: Bùi Hưng T, sinh ngày 11/9/2014 và Bùi Yến N, sinh ngày 23/02/2021. Ly

hôn bà T đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung Bùi Yến N cho bà trự tiếp nuôidưỡng chăm sóc; giao con chung Bùi Hưng T cho ông Bùi Quang P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy cháu Bùi Yến N còn nhỏ, chưa đủ 36 tháng tuổi rất cần sự quan tâm, chăm sóc của mẹ vì vậy cần giao cháu N cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con đủ 18 tuổi. Cháu Bùi Hưng T có nguyện vọng được ở với cha là ông Bùi Quang P nên cần tôn trọng nguyện vọng của cháu. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T giao con chung Bùi Yến N cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giao con chung Bùi Hưng T cho ông Bùi Quang P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Bà Văn Thị Thu T xác định không có; Bản thân bị đơn ông P không có ý kiến, yêu cầu gì. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Văn Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ:

Các điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

2. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Văn Thị Thu Thảo đối với ông Bùi Quang Phú về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"*.

***2.1 Về quan hệ hôn nhân*:** Xử cho bà Văn Thị Thu T được ly hôn với ông Bùi Quang P.

***2.2 Về con chung*:**

Giao con chung Bùi Yến N, sinh ngày 23/02/2021 cho bà Văn Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cho đến khi con đủ 18 tuổi. Giao con chung Bùi Hưng T, sinh ngày 11/9/2014 cho ông Bùi Quang P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18

tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung

Bên không nuôi con có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích con chung, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

2.3 *Về tài sản chung*: Bà Văn Thị Thu T, ông Bùi Quang P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2.4 *Về nợ chung*: Đương sự xác định không có nên không xem xét.

3. Về án phí: Bà Văn Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp tại biên lai thu số 0001817 ngày 12/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ *(như vậy bà T đã nộp đủ án phí).*

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tào có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Các đương sự;
- Chi cục THA DS quận Cẩm Lệ;
- UBND xã Lương Phi, huyện Tri Tôn, Tỉnh An Giang (GCNKH số 1/2014 –ngày 28/4/2014)
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Phan Văn Cương